TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN KHÁNH
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/ 2020/ HNGĐ - ST
Ngày: 09/ 10/ 2020.
Về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN KHÁNH, TỈNH NINH BÌNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Nhật Trung.

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông An Văn Đương và Phạm Thị Mai.

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Ông Trịnh Việt Phúc – Thư ký Toà án nhân dân huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Khánh tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Huyền Tâm – Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 10 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 76/2020/TLST-HNGĐ ngày10 tháng 8 năm 2020 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2020/QĐST- HNGĐ ngày 22 tháng 9 năm 2020, giữa:

- Nguyên đơn: Anh Bùi Văn V - Sinh năm: 1982.
Địa chỉ: Thôn Phú C, xã Khánh P, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

- **Bị đơn:** Chị Nguyễn Thị T - Sinh năm: 1987.
Địa chỉ: Thôn Phú C, xã Khánh P, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa có mặt anh Bùi Văn V và chị Nguyễn Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai cùng các văn bản khác nguyên đơn là anh Bùi Văn V trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị T kết hôn hợp pháp vào ngày 30 tháng 8 năm 2011 tại UBND xã Khánh P, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình. Quá trình chung sống hạnh phúc cho đến năm 2016 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do bố mẹ vợ can thiệp quá sâu vào đời sống của vợ chồng, vì vậy vợ chồng hay cãi vã nhau, mặt khác là do tính tình không hợp nhau, dẫn tới việc vợ chồng thường xuyên xảy ra những bất đồng về quan điểm sống, sau đó chị T tự bỏ về sống cùng bố mẹ đẻ một thời gian, sau mới chuyển về sinh sống cùng nhà với anh. Thực tế vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 3 năm 2020 cho đến nay. Trong thời gian này, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh và chị T không

thể về đoàn tụ được nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

Về con: Trong quá trình chung sống cho đến nay vợ chồng có hai con chung là cháu Bùi Phương L, sinh ngày 12 tháng 01 năm 2014 và cháu Bùi Phương A, sinh ngày 01 tháng 3 năm 2019, hiện hai cháu đang do vợ chồng nuôi dưỡng. Nay ly hôn anh V yêu cầu Tòa án giao cháu Bùi Phương L cho anh được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giao cháu Bùi Phương A cho chị T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, kể từ khi ly hôn đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, tự lập được cuộc sống. Anh và chị T không có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau và có quyền đi lại thăm nom con chung. Về con riêng, anh và chị T không ai có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Anh và chị T tự thỏa thuận phân chia về tài sản chung, còn về tài sản riêng, công nợ và đất nông nghiệp không có, do vậy nay ly hôn anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Trong bản tự khai bị đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị và anh Bùi Văn V sau thời gian tự do tìm hiểu, đã tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 30 tháng 8 năm 2011 tại UBND xã Khánh P, huyện Yên Khánh, sau đó được gia đình tổ chức lễ cưới, sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh V có quan hệ với người phụ nữ khác, mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên bảo nhưng anh V không thay đổi, sau đó chị cùng hai con chuyển về sống cùng với bố mẹ tại thôn Phú C, xã Khánh P một thời gian, sau đó chị mới chuyển về và sống cùng nhà với anh V, nhưng chị và anh V không còn quan tâm gì đến cuộc sống của nhau nữa. Nhưng vì con chị không muốn ly hôn, song do anh V cương quyết ly hôn vì thế chị cũng nhất trí ly hôn cùng với anh V.

Về con: Chị và anh V cho đến nay có 2 người con chung là cháu Bùi Phương L, sinh ngày 12 tháng 01 năm 2014 và cháu Bùi Phương A, sinh ngày 01 tháng 3 năm 2019, hiện hai cháu đang do vợ chồng nuôi dưỡng. Nay ly hôn chị đề nghị Tòa án giải quyết giao cả hai cháu Bùi Phương L và Bùi Phương A cho chị được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu, kể từ khi ly hôn cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, tự lập được cuộc sống và chị không yêu cầu anh V phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị. Về con riêng không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Chị và anh V để tự thỏa thuận phân chia về tài sản chung, còn về tài sản riêng, công nợ và đất nông nghiệp không có, do vậy nay ly hôn chị cũng không yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa có quan điểm:

Về thủ tục: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý đến trước khi xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật trong quá trình tiến hành tố tụng. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình, vụ án được xét xử theo thủ tục chung.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của anh Bùi Văn V, xử : Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Bùi Văn V và chị Nguyễn Thị T. Về con: Giao cháu Bùi Phương L, sinh ngày 12 tháng 01 năm 2014 và cháu Bùi Phương A, sinh ngày 01 tháng 3 năm 2019 cho chị Nguyễn Thị T, được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, tự lập được cuộc sống. Anh Bùi Văn V không có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị T và có quyền đi lại thăm nom con chung. Về án phí anh Bùi Văn V phải nộp 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thủ tục tố tụng:** Anh Bùi Văn V có đơn khởi kiện xin ly hôn, tranh chấp về con đối với chị Nguyễn Thị T, có địa chỉ tại xã Khánh P, huyện Yên Khánh. Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện Yên Khánh, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] **Về quan hệ hôn nhân:** Anh Bùi Văn V và chị Nguyễn Thị T có thời gian tự do tìm hiểu nhau, trước khi cưới anh chị đã tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 30 tháng 8 năm 2011 tại UBND xã Khánh P, huyện Yên Khánh, quan hệ hôn nhân giữa anh và chị T là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến năm 2016, thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do vợ chồng có những bất đồng về quan điểm sống, mặt khác chị T cho rằng anh V có quan hệ với người phụ nữ khác, anh V cho rằng anh không được sự tôn trọng của bố mẹ vợ, từ đó dẫn đến vợ chồng không còn tin tưởng nhau, hay cãi chửi nhau và không còn quan tâm đến nhau nữa, tại phiên Tòa anh V vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với chị T. Trong quá trình Tòa án hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, khả năng vợ chồng về đoàn tụ là không có nên chị nhất trí ly hôn với anh V. Nhận thấy việc thuận tình ly hôn giữa anh V và chị T là tự nguyện do vậy cần công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Bùi Văn V và chị Nguyễn Thị T phù hợp với pháp luật.

[**3] Về con**: Anh V và chị T có 2 người con chung là cháu Bùi Phương L, sinh ngày 12 tháng 01 năm 2014 và cháu Bùi Phương A, sinh ngày 01 tháng 3 năm 2019, hiện hai cháu đang do vợ chồng nuôi dưỡng. Về con anh V yêu cầu giao cháu L cho anh được trực tiếp chăm sóc và giao cháu phương A cho chị T được tiếp tục chăm sóc, anh và chị T không có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Việc anh V nhận nuôi cháu L và giao cháu Phương A cho chị chăm sóc, nuôi dưỡng chị T không nhất trí vì hiện tại hai cháu còn nhỏ và đang có cuộc sống ổn định, chị lại có nhà ở và có ông bà ngoại khỏe mạnh đã giúp chị chăm sóc, nuôi dưỡng cho hai cháu từ trước đến nay, còn anh V không có điều kiện về chỗ ở, bố mẹ lại già yếu và ở xa nên không có điều kiện giúp đỡ trong việc nuôi con. Do vậy chị đề nghị giao cả hai cháu L và Phương

A cho chị được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và chị không yêu cầu anh V có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị, vì chị có đủ điều kiện để nuôi dưỡng các cháu.

Xét về nguyện vọng và điều kiện nuôi con của anh V và chị T thấy rằng anh chị đều có nguyện vọng được nuôi con và có thu nhập ổn định. Song xét thấy do các cháu còn nhỏ nên cần có sự chăm sóc của người mẹ nhiều hơn, mặt khác chị T đang có nhà ở, hai cháu đang có cuộc sống ổn định lại được ông bà ngoại ở gần giúp đỡ, còn nếu giao cháu L cho anh V nuôi dưỡng thì thấy rằng anh V đang làm công nhân, lại chưa có nhà ở, cháu còn nhỏ lại không có người trông nom nên cuộc sống của cháu sẽ gặp khó khăn. Vì vậy để đảm bảo cuộc sống tốt nhất cho các cháu nên cần chấp nhận yêu cầu của chị T về con: Cần giao cháu L và cháu Phương A cho chị T được chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Trong quá trình giải quyết chị T không yêu cầu anh V có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị, vì chị đang có thu nhập ổn định về lương, việc chị không yêu cầu là tự nguyện nên về nghĩa vụ cấp dưỡng đối với anh V không đặt ra. Về con riêng anh V và chị T không có nên không xem xét giải quyết.

[4] **Về tài sản:** Trong quá trình Tòa án giải quyết anh V và chị T đều xác định để tự thỏa thuận, phân chia về tài sản nên không có yêu cầu, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] **Về án phí:** Anh Bùi Văn V là nguyên đơn phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 55, 57, 58 và các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/BUTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Bùi Văn V về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" đối với chị Nguyễn Thị T.

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Bùi Văn V và chị Nguyễn Thị T.

- Về con: Giao cháu Bùi Phương L, sinh ngày 12 tháng 01 năm 2014 và cháu Bùi Phương A, sinh ngày 01 tháng 3 năm 2019 cho chị Nguyễn Thị T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, tự lập được cuộc sống. Anh Bùi Văn V không có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị Nguyễn Thị T và có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản: Anh Bùi Văn V và chị Nguyễn Thị T đều xác định để tự thỏa thuận phân chia nên không có yêu cầu, do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Anh Bùi Văn V phải nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng)* án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình để sung ngân sách Nhà nước. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà anh đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/0002234 ngày 06 tháng 8 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

Án xử công khai sơ thẩm các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dấn sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Binh.
- VKSND huyện Yên Khánh.
- Chi cục THA DS huyện Yên Khánh .
- UBND xã Khánh P.
- Các đương sư.
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TÒA PHIÊN TÒA

Vũ Nhật Trung